

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - G
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST.
Ngày 18-9-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình Phương.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - G tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - G xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HS, ngày 22 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị A**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 12 tháng 3 năm 1995; CCCD số: 052195008550, cấp ngày 27/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn F, xã H, tỉnh G; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn T1 (chết) và bà: Đặng Thị Kim T2 (sinh năm 1974); chồng: Đặng Văn D (sinh năm 1993); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, tỉnh G từ ngày 20/5/2025 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

*** Bị hại:**

Bà Bùi Thị B; sinh năm: 1947; nơi cư trú: Thôn J, xã H, tỉnh G (chết).

** Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Ông Huỳnh Văn C; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn J, xã H, tỉnh G (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đặng Văn D; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn F, xã H, tỉnh G (có mặt).

** Người làm chứng:*

Ông Đặng Thành E; sinh năm: 1964; nơi cư trú: Thôn F, xã H, tỉnh G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 15 phút sáng ngày 20/3/2025, Trần Thị A (sinh năm 1995, không có giấy phép lái xe theo quy định), ở thôn F, xã H, tỉnh G, tự ý lấy xe mô tô biển số 77E1-449.88 (thuộc sở hữu của Đặng Văn D - là chồng của A, lúc này D đang ngủ), rồi điều khiển xe chạy trên đường nhựa liên thôn theo chiều Tây – Đông chờ 02 con là Đặng Thị Tuyết L (sinh năm 2019) và Đặng Hoàng P (sinh năm 2021) đi học.

Khoảng 6 giờ 30 phút sáng cùng ngày, bà Bùi Thị B (sinh năm 1947, ở thôn J, xã H, tỉnh G) cũng bắt đầu điều khiển xe đạp điện rời khỏi nhà để đi chợ; bà B điều khiển xe đạp điện chạy trên đường nhựa liên thôn thuộc thôn F, xã H, tỉnh G theo hướng Đông – Tây với tốc độ khoảng 30km/h thì nhìn thấy phía trước, bên phải theo chiều đi (phần đường phía Bắc), có nước từ vòi phun xoay tự động, trong đám đất trồng đậu phía Bắc đường của ông Đặng Thành E (sinh năm 1964 ở cùng thôn) văng ra đường; bà B sợ bị ướt nên điều khiển xe đạp điện chạy qua phần đường phía Nam (phần đường bên trái theo chiều đi) để tránh nước văng. Cùng lúc này, Trần Thị A điều khiển xe mô tô biển số 77E1-449.88 chạy trên phần đường phía Nam theo chiều Tây – Đông với tốc độ khoảng 50km/h, đang chạy đến và cách xe đạp điện của bà B khoảng 20m thì thấy bà B đang điều khiển xe đạp điện đi ngược chiều trên phần đường mà A đang lưu thông nhưng A không giảm tốc độ hoặc dừng xe lại để đảm bảo an toàn, mà điều khiển xe lách sang phần đường phía Bắc (phần đường bên trái theo chiều đi) để tránh xe của bà B. Cùng lúc này, bà B cũng phát hiện xe mô tô của A đang chạy đến gần nên loạng choạng điều khiển xe đạp điện chạy trở lại phần đường phía Bắc; do khoảng cách gần, A không xử lý kịp, chỉ lách xe mô tô

sang phải, dẫn đến mặt lấn bánh xe trước của xe mô tô biển số 77E1-449.88 do A điều khiển va chạm vào bộ gác chân bằng nhựa bên trái của xe đạp điện, dẫn đến tai nạn tại phần đường phía Bắc.

Hậu quả: Bà Bùi Thị B chết trên đường đưa đi cấp cứu. Còn Trần Thị A bị thương được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định (nay là Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh G).

* Theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 126/KLTTCT-PYBD ngày 24/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Định (cũ), kết luận: Căn cứ theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thị A tại thời điểm giám định là: 28% (hai mươi tám phần trăm), theo nguyên tắc công tại Thông tư.

* Theo Kết luận giám định tử thi số: 88/KLGĐTT-PYBD ngày 26/3/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Định (cũ):

- Kết quả khám nghiệm:

+ Sưng nề, bầm tụ máu diện rộng đỉnh-châm phải.

+ Đa thương tích.

+ Mổ vùng đỉnh châm phải thấy nứt sọ.

- Kết luận nguyên nhân chết: Chấn thương gây vỡ sọ, chảy máu nội sọ chèn ép não+đa thương tích.

* Hiện trường vụ án có biên bản, sơ đồ và bản ảnh hiện trường kèm theo hồ sơ vụ án.

* *Về vật chứng vụ án*: Đã xử lý trả lại:

- 01 (một) xe mô tô biển số 77E1-449.88 cho ông Đặng Văn D;

- 01 (một) xe đạp điện cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Huỳnh Văn C.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo Trần Thị A và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thương lượng, thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả với tổng số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo Trần Thị A đã bồi thường xong. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Trần Thị A.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKSKV3, ngày 22/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - G đã truy tố bị cáo Trần Thị A về tội “Vi phạm quy định

về tham gia giao thông đường bộ”, thuộc trường hợp “Không có giấy phép lái xe theo quy định” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - G trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thuộc trường hợp “Không có giấy phép lái xe theo quy định” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 54 và 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị A với mức án từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo Trần Thị A.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo Trần Thị A đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, đồng thời bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống, kết luận giám định tử thi, biên bản, sơ đồ và bản ảnh hiện trường và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Bị cáo Trần Thị A không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng đã tự ý lấy xe mô tô biển số 77E1-449.88, có dung tích xi lanh 108cm³ (xe thuộc sở hữu của Đặng Văn D - là chồng của A, lúc này D đang ngủ), rồi điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ; khi phát hiện có xe đạp điện của bà B đang điều khiển chạy ngược chiều trên phần đường mà A đang đi, từ khoảng cách 20m, bị cáo A nhằm tưởng bà B sang đường nên bị cáo không giảm tốc độ hoặc dừng xe để đảm bảo an toàn mà lách qua phần đường bên trái theo chiều đi để tránh xe đạp điện của bà B, nhưng đồng thời cùng lúc này bà B cho xe chạy trở lại phần đường bên phải làm cho bị cáo A không xử lý kịp, đã để mất lẩn bánh xe phía trước của xe mô tô biển số 77E1-449.88 do Trần Thị A điều khiển va chạm vào bộ gác chân bằng nhựa bên trái của xe đạp điện dẫn đến tai nạn, hậu quả làm bà B chết.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - G truy tố bị cáo Trần Thị A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thuộc trường hợp “Không có giấy phép lái xe theo quy định” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Trần Thị A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thuộc trường hợp “Không có giấy phép lái xe theo quy định” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ trong khi bản thân bị cáo Trần Thị A không có giấy phép lái xe theo quy định là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10, khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, gây ra hậu quả làm chết 01 người, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn công cộng và cần phải

xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Trần Thị A phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện thương lượng và bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án. Mặt khác, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo A. Đồng thời, bị cáo hiện đang trực tiếp nuôi và chăm sóc bà nội là Nguyễn Thị M (sinh năm 1941) thuộc hộ đơn thân là đối tượng hộ nghèo đã nhiều năm tại địa phương, hiện sức khỏe già yếu cần người qua lại chăm sóc. Do đó Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết trên, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo A.

Xét thấy, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mặt khác, đánh giá lại vụ án, người bị hại bà Bùi Thị B cũng có lỗi vì đã điều khiển xe đạp điện tham gia giao thông đường bộ nhưng không đội mũ bảo hiểm và điều khiển xe đi không đúng phần đường quy định, chuyển sang đường một cách đột ngột nhưng không có tín hiệu báo hướng rẽ làm tăng sự nguy hiểm của người tham gia giao thông. Đây là vụ án lỗi hỗn hợp khi bị hại và bị cáo cùng có lỗi nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại các Điều 54 và 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo nghĩ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[6]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Trần Thị A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

[7]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - G tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 54 và 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị A phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Thị A **18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm: 18.9.2025.

Giao bị cáo Trần Thị A cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị A phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - G;
- VKSND tỉnh G;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh G;
- Phòng THADS khu vực 3 - G;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**Cao Văn Đức**